

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2023

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tòng

Ông Nguyễn Duy Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Duyến - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Hôn nhân gia đình” thụ lý số: 251/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N - sinh năm 1998

HKTT: Tổ 5, khu phố 6, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Nơi ở hiện nay: Số 61/1 đường số 23, phường Hiệp Bình Chánh, T phố Thủ Đức, T phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Anh Lê Văn T - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Bắc Sơn, xã N, thị xã N, tỉnh T

(Tại phiên tòa Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh T chị Nguyễn Thị Bích N (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 21/12/2016 tại UBND xã N, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N), tỉnh T.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin ly hôn đối với anh Lê Văn T.

***Về con chung:**

- Chị N trình bày: Chị và anh T có 01 con chung: Cháu Lê Nguyễn Anh Tâm, sinh ngày 07/7/2017; Hiện an cháu Anh Tâm đang ở với chị. Ly hôn nguyên vọng của chị xin được nuôi dưỡng cháu Anh Tâm và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản và công nợ : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Lê Văn T không có mặt để giải quyết vụ án, qua xác minh tại nơi cư trú thì anh Lê Văn T trú tại: Thôn Bắc Sơn, xã N, thị xã N, tỉnh T; Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản ghi lời khai bà Trần Thị Bắc (mẹ anh T) trình bày :

Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2016 tại UBND xã N, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N), tỉnh T.

Anh T và chị N có 01 con chung: Cháu Lê Nguyễn Anh Tâm, sinh ngày 07/7/2017 và hiện nay cháu Anh Tâm đang ở với chị N.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị N sống ở quê ngoại tại thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; đến năm 2020 thì anh T về quê (xã N), thị xã N, tỉnh T sống với bà cho đến nay, chị N vẫn sống ở tỉnh Bình Thuận. Hiện nay anh T không có mặt tại nhà và đang làm việc tại Hà Nội, anh T đi làm khoảng từ 7 ngày đến 10 ngày thì về nhà một lần, mỗi lần về ở nhà khoảng 10 ngày đến 1 tháng lại đi (tùy thuộc vào công việc).

Anh T có biết việc chị N xin ly hôn, nhưng anh T có nói với bà là “ Việc chị N xin ly hôn thế nào là việc của chị N”.

* Ý kiến của thôn trưởng thôn Bắc Sơn nơi anh Lê Văn T sinh sống:

Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N, đăng ký kết hôn ngày 21/12/2016 tại UBND xã N, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N), tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tỉnh Bình Thuận và vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn An Tâm, sinh ngày 07/7/2017 và hiện nay cháu An Tâm đang ở với chị N.

Tháng 6 năm 2020 thì anh Lê Văn T về sinh sống với bà Trần Thị Bắc (là mẹ đẻ) tại thôn Bắc Sơn, xã N, tỉnh T cho đến nay, anh T đi làm 7 đến 10 ngày thì về nhà một lần.

* ***Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đã thực hiện đầy đủ theo quy định, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Văn T được ly hôn.

- *Về con chung*: Đề nghị giao cháu Lê Nguyễn Anh Tâm, sinh ngày 07/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Bích N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị Bích N không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc tổng đạt các thủ tục tố tụng trong vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Lê Văn T lần thứ 2 hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý bị đơn không có mặt tại địa phương, Tòa án đã xác minh tại địa phương và gia đình bị đơn. Bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú nhưng từ 7 đến 10 ngày thì về một lần và không thông báo địa chỉ mới cho người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, làm cho nguyên đơn không biết được nhằm mục đích che dấu địa chỉ và bị đơn đã được gia đình thông báo về việc nguyên đơn xin ly hôn. Do đó căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Văn T, tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 21/12/2016 tại UBND xã N, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N), tỉnh T, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018, trong thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương nơi anh T sinh sống, anh T về quê từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Bích N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích N.

[3] Về con chung: Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Văn T có 01 con chung cháu Lê Nguyễn Anh Tâm - Sinh ngày 07/7/2017. Hiện nay cháu Anh Tâm đang ở với chị Bích N, nguyện vọng của Bích N xin được nuôi dưỡng cháu Anh Tâm. Do đó tiếp tục giao cháu Anh Tâm cho chị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bích N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 4 điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 207; điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Văn T được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Anh Tâm cho chị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Bích N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012341 ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh T.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã N;
- UBND xã N ;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận